

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 53/2020/HC-PT

Ngày: 08/5/2020

V/v "Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Các Thẩm phán: Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký
Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 419/2019/TLPT-HC
ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu
nại” do bản án hành chính sơ thẩm số: 16/2019 /HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa
án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2699/2020/QĐ-PT
ngày 16 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Trần Mạnh C; Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thành
phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1975; địa chỉ:
Khu T, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Ông Lê Văn Công và ông Nguyễn Đức Long, luật sư văn phòng luật sư Lê
Công thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Ông Huỳnh Mỹ Long, luật sư văn phòng luật sư Tâm Chí thuộc đoàn luật sư
thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng
Ninh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T; chức vụ: Phó Chủ
tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Ông Bùi Văn T; trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố U,
tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Nguyễn Phúc Q; phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành
phố U; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Thu C; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh H; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H – Chủ tịch UBND thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T; Phó Chủ tịch UBND thành phố U; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Bùi Văn T; trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Ông Nguyễn Phúc Q; phó giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố U; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Thu C; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ông Nguyễn Mạnh H; chuyên viên Phòng tài nguyên và môi trường thành phố U; có mặt.

- Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố U và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh T; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn Hùng; công chức địa chính; có mặt.

- Bà Đàm Thị Cận; Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị D; địa chỉ: Khu T, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/01/2019, và tại bản tự khai, đối thoại, phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày có nội dung sau:

Ông Trần Mạnh C là người quản lý diện tích 1.010m² đất tại Khu T, phường Đ, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 trên đất có nhà ở. Năm 1992, thực hiện đo vẽ bản đồ giải thửa đã tách diện tích đất trên thành 02 thửa (Trong đó thửa 292 nằm trong hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và thửa 322 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông). Thửa 322 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Cương vẫn quản lý sử dụng diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông để làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát...

Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A đã giải phóng mặt bằng từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có khoảng cách 7,0m (Trong đó có đất của ông Cương được bồi thường 1,8m dài) thuộc đất hành lang an toàn giao thông, việc giải phóng mặt bằng, đền bù đã được thực hiện xong.

Ngày 04/8/2015, Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 4798/QĐ - UBND thu hồi 62,1m² đất trồng cây lâu năm của ông Cương thuộc thửa số 292 để thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 và ban hành Quyết định 4799/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Cương số tiền 82.605.761 đ.

Ngày 16/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố U đã ban hành Quyết định 941/QĐ - UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường cho 48 hộ dân trong đó có ông Cương số tiền 453.330.000đ.

Ngày 15/5/2017, Ủy ban nhân dân thành phố U đã ban hành Quyết định 2804/QĐ - UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường cho 06 hộ dân trong đó có ông Cương số tiền 5.000.000đ.

Không đồng ý với việc xác định diện tích đất thu hồi và xác định loại đất thu hồi nên ông Cương đã có đơn đề nghị tới Ủy ban nhân dân phường Phương Đông và đã được Ủy ban nhân dân phường Phương Đông ban hành văn bản số 133/UBND ngày 03/5/2017 trả lời nhưng ông Cương không đồng ý và đã có đơn khiếu nại yêu cầu xác định loại đất thu hồi là đất ở và xác định tổng diện tích đất thu hồi là 86,3m².

Ngày 30/8/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đông đã ban hành Quyết định số 302 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Cương. Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Phương Đông, ông Cương tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U ban hành Quyết định số 6852/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Cương và không chấp nhận khiếu nại của ông Cương.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U, ông Cương đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu: Hủy Quyết định số 6852/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Cương; Xác định tổng diện tích đất thu hồi là 86,3m² là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ ông Cương cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm phương án bồi thường, quyết định giải quyết khiếu nại...và trình bày diện tích đất thu hồi tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất mà ông Cương ký nhận ngày 31/5/2015 thể hiện diện tích giải phóng mặt bằng là 20,5m² và ngày 05/6/2015 là 65,8m² và diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông có nguồn gốc hình thành từ trước năm 1980, được sử dụng vào mục đích để ở có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài theo Điều 20; khoản 4 Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ - CP và thực tế các lần thu hồi đất trước đây đều được đền bù là đất ở.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người bị kiện trình bày: Căn cứ hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 và bản chứng nhận nhà đất của Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh lập ngày 13/7/2015 được bổ sung ngày 25/2/2017 và kết quả xác minh cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Cương. Diện tích đất của ông Cương năm 1992 được tách làm 02 thửa trong đó có 01 thửa nằm trong hành lang an toàn đường

bộ tiếp giáp quốc lộ 18A và 01 thửa phía bên trong nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, năm 2003 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 200m² đất ở và 422m² đất vườn (Năm 2012 ông Cương đã tặng cho bà Hồng và ông Vinh chỉ còn lại 64,5m² đất ở và 206m² đất cây lâu năm).

Năm 1996, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A ông Cương đã bị giải phóng mặt bằng có chỉ giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường là 7,0m và được đền bù theo giá đất ở. Năm 2015, tiếp tục thực hiện mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 đã lấy thêm diện tích đất hành lang an toàn giao thông của 318 hộ trên địa bàn thành phố U trong đó có ông Cương tính từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng theo kích thước xác định tại sơ đồ giải phóng mặt bằng tại thửa 65 tờ bản đồ GPMB số 5 là 10,40m và thửa 68 tờ bản đồ GPMB số 5 là 10,32m trừ đi kích thước 7,0m là điểm chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 1996 thì còn lại là diện tích thu hồi là 62,1m² (Thửa 65, 68 tờ bản đồ GPMB số 5) là chính xác. Đối với việc xác định loại đất thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng 62,1 m² của hộ ông Cương căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất bị thu hồi thuộc đất hành lang an toàn giao thông và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được xác định là đất trồng cây lâu năm theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân thành phố U đã đền bù theo giá đất trồng cây lâu năm và vận dụng Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ - CP để hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi nên việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và giải quyết khiếu nại với nội dung như trên là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và hơn 50 hộ dân đang khởi kiện trong các vụ án khác.

Theo văn bản ý kiến và bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân thành phố U: Trình bày thống nhất với nội dung của người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.
- Ủy ban nhân dân phường Phương Đông và Chủ tịch ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố U: Trình bày thống nhất với người bị kiện và không có yêu cầu độc lập.
- Bà Đàm Thị Cận: Trình bày thống nhất với người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại nhưng không thành, về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ và hình thức ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và các quyết định có liên quan, phương pháp và cách tính khoảng cách xác định mốc giới giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 và chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 các đương sự thống nhất và không có tranh chấp nhưng người khởi kiện không đồng ý trừ diện tích 24,2m² đã được bồi thường giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998, loại đất thu hồi phải xác định bồi thường là đất ở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2019/HCST ngày 24/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào quy định tại Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tổ tụng Hành Chính; Căn cứ vào quy định tại Điều 11; Điều 204 Luật đất đai 2013; Các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Mạnh C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6852/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại đối với Ông Trần Mạnh C và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 86,3m², xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2019, Ông Trần Mạnh C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện và kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; không xuất trình thêm tài liệu gì mới. Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và các Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện trình bày về nguồn gốc toàn bộ 1010m² đất do gia đình Ông Trần Mạnh C sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước tháng 12 năm 1980; đến năm 1992 thì Ủy ban nhân dân thị xã Uông Bí (nay là thành phố U) tự lập bản đồ chia diện tích đất đó thành 02 thửa; vì Nghị định 203/HĐBT năm 1992 không quy định tách thửa do vậy khi tách thửa trong đó có thửa đất số 292 được xác định là đất hành lang giao thông là không đúng; thực tế theo bản đồ thì nét vẽ chỉ là liền một thửa. Đến năm 2003, UBND thị xã Uông Bí chỉ cấp giấy chứng nhận thửa 322 với diện tích 622m² (trong đó có 200m² đất ở và 422m² đất trồng cây lâu năm) phần còn lại chưa được cấp giấy; tuy lúc đó ông Cương không khiếu nại nhưng thực tế từ năm 1996 - 1998 khi thu hồi mở rộng đường 18A giai đoạn một đã bồi thường cho gia đình ông Cương ghi rõ là bồi thường đất ở và phần còn lại cho đến khi đất bị thu hồi năm 2015 thì gia đình ông Cương vẫn sử dụng mục đích đất liền một thửa vào mục đích làm nhà và công trình để ở. Từ năm 2005 đến nay đã liên tục khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng thực trạng vì vẫn là đất liền thửa và sử dụng vào mục đích để làm nhà và công trình để ở. Do vậy, người khởi kiện đề nghị được bồi thường bằng giá đất ở đối với phần bị đất thu hồi.

Về diện tích bị thu hồi: Do việc xác định phần đất trong hành lang giao thông là không đúng nên năm 1998 UBND thị xã Uông Bí khi làm đường đã phải mượn gia đình ông Cương 3m đất theo chiều sâu có biên bản ghi rõ, phần này nằm trong diện tích chưa thu hồi; nay tính tất cả thì diện tích bị thu hồi thực tế là 83,6m² chứ không phải là 62,1 m² như phương án bồi thường của UBND thành phố U. Nay đề nghị phải đền bù toàn bộ 83,6m² và theo giá đất ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phân tích và kết luận: tuy nguồn gốc toàn bộ 1010m² đất do gia đình Trần Mạnh Cương sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước tháng 12 năm 1980; nhưng theo bản đồ giải thửa năm 1992 khi thực hiện xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng thì diện tích đất thực tế của ông Cương có diện tích 1.010m² và đã được tách thành 02 thửa trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông không có nhà ở là thửa 292, từ năm 2003 chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 622m², còn lại trên bản đồ thể hiện rõ là đất hành lang an toàn giao thông và không có khiếu

nại. Nay cơ quan có thẩm quyền xác định đất đó là đất trồng cây lâu năm và áp dụng các quy định để đền bù là chính xác. Về diện tích đền bù đã có đủ tài liệu năm 1998 khi giải phóng mặt bằng đã có sơ đồ ghi rõ kích thước được đền bù, việc đền bù đã được thực hiện xong; nay trừ đi phần đã đền bù năm 1998 nên diện tích còn lại 62,1m² là đúng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự; quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền nghĩa vụ liên quan có ủy quyền đều có mặt. Tại phiên tòa có thêm người được ủy quyền mới là ông Nguyễn Văn Đ và Luật sư Huỳnh Mỹ Long nhưng họ đều đồng ý tham gia phiên tòa, đây là phiên tòa mở lần thứ hai hợp lệ nên được chấp nhận để tham gia tố tụng.

Ngày 03/7/2019, Ông Trần Mạnh C kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 16/2019/HCST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh; ông Cương là đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí vì vậy kháng cáo trong hạn nên được chấp nhận để xét.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Ông Trần Mạnh C về yêu cầu huỷ Quyết định số 6852/QĐ - UBND và các Quyết định hành chính có liên quan.

[2.1] Bản án sơ thẩm số 16/2019/HCST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã nhận định về hình thức và căn cứ ban hành các Quyết định số 6852/QĐ - UBND, Quyết định số 4798/QĐ - UBND, Quyết định số 4799/QĐ - UBND, Quyết định số 941/QĐ-UBND (Phần liên quan đến ông Cương), Quyết định số 2804/QĐ - UBND (Phần liên quan đến ông Cương), văn bản số 133/UBND và Quyết định số 302/QĐ - CT đều được ban hành tuân thủ về hình thức văn bản và các căn cứ pháp lý đều là văn bản pháp luật hiện hành đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành Quyết định nên là quyết định hành chính phù hợp với pháp luật. Phần này không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về căn cứ xác định diện tích đất thu hồi, giải phóng mặt bằng: Theo lời khai xác nhận tại phiên tòa thì tuy nguồn gốc toàn bộ 1010m² đất do gia đình Trần Mạnh Cương sử dụng làm nhà ở ổn định từ trước tháng 12 năm 1980; Nhưng theo bản đồ giải thửa năm 1992 khi thực hiện xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng thì diện tích đất thực tế của ông Cương có diện tích 1.010m² và đã được tách thành 02 thửa trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông không có nhà ở là thửa 292 (đã được ghi rõ vào Sổ mục kê năm 1992 ghi thửa đất này là loại ruộng đất GT) và diện tích đất còn lại ngoài hành lang an toàn giao thông trên đất có nhà ở thuộc thửa 322. Đây là cơ sở để gia đình ông Cương đã được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Cấp đổi lại năm 2003)

cũng xác định rõ diện tích đất được cấp là thuộc thửa 322. Tại phiên toà ông Cương xác định gia đình ông đã nhận giấy chứng nhận này và không có khiếu nại gì từ đó đến khi bị thu hồi đất năm 2015.

Thực tế, năm 1996 - 1998 khi Nhà nước thu hồi một phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông để mở rộng quốc lộ 18A theo biên bản ngày 30/7/1996 và ngày 11/12/1998 đã xác định và ký nhận ranh giới xác định tính từ tim đường vào đến chỉ giới giải phóng mặt bằng là 7,0m. Đây là mốc giới giải phóng mặt bằng mà Ủy ban nhân dân thành phố U và người sử dụng đất đã thống nhất ký nhận và xác lập khi giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 đã được thực hiện giải phóng và đền bù xong không có khiếu nại gì nên được coi làm cơ sở để xác định mốc giới đất đã được giải phóng mặt bằng. Năm 2015, kích thước và chỉ giới giải phóng mặt bằng từ tim đường vào tại thửa 65 tờ bản đồ GPMB số 5 là 10,40m và thửa 68 tờ bản đồ GPMB số 5 là 10,32m nên được trừ đi phần giải phóng mặt bằng đã được thực hiện năm 1996 - 1998 là 7m phần phải thu hồi còn lại 62,1m²; diện tích đất 24,2m² không tính vào diện tích đất thu hồi nằm ở vị trí tiếp giáp mép đường và thuộc diện tích đất 1,8m đã giải phóng mặt bằng, đã bồi thường cho ông Cương xong từ năm 1998 nên không thuộc diện phải thu hồi và bồi thường lại là đúng và đã đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Do vậy quan điểm của người khởi kiện yêu cầu bồi thường cả diện tích đất đã được bồi thường trước đây là không có căn cứ.

[2.3] Về căn cứ xác định loại đất bị thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng: Người khởi kiện kháng cáo cho rằng toàn bộ diện tích 1.010m² đất của ông Cương có nguồn gốc khai phá trước ngày 30/12/1980; trên đất có nhà ở nên nay đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thế khi bị thu hồi thì phải áp dụng đối với diện tích thuộc thửa liền kề để bồi thường là đất ở. Tuy nhiên như đã nêu ở phần trên, theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ thì một phần diện tích đất đó có một phần thuộc hành lang an toàn giao thông. Thực hiện quy định này, năm 1992 khi lập bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 cơ quan có thẩm quyền đã xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo quy định. Đây chính là cơ sở pháp lý đối với toàn bộ hành lang giao thông trên quốc lộ 18A chứ không riêng trên địa bàn thị xã Uông Bí. Sau khi cấm mốc hành lang bảo vệ an toàn giao thông diện tích đất của ông Cương 1.010m² đã bị tách thành 02 thửa trong đó thửa đất thuộc hành lang an toàn giao thông và thửa đất ngoài hành lang giao thông có nhà ở, ông Cương đã kê khai đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nằm ngoài hành lang an toàn giao thông; trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi rõ diện tích đất ở 200m² đất ở và 422m² đất vườn như đã phân tích ở trên. Năm 2012, ông Cương đã tặng cho bà Hồng và ông Vinh nên chỉ còn lại 64,5m² đất ở và 206m² đất cây lâu năm. Quá trình này ông Cương không hề có khiếu nại gì. Phần còn lại tại thửa số 292 là đất hành lang giao thông không có nhà ở nhưng ông Cương không có ý kiến và không khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như việc xác định diện tích đất ở nên đây là căn cứ để xác định loại đất đối với diện tích đất ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất cây lâu năm. Tại thời điểm xác định phạm vi hành lang an toàn giao thông năm 1992 của ông Cương theo Thông tư

số 185/TT - PC ngày 26/9/1983 hướng dẫn thi hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định “Đề tận dụng đất đai trong hành lang bảo vệ. Điều lệ cho phép trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp....Khi có yêu cầu mở rộng, cải tạo đường sá thì phải trả lại đất cho ngành giao thông vận tải trong thời gian ngắn nhất”. Năm 2015, thực hiện việc mở rộng Quốc lộ 18A giai đoạn hai, Ủy ban nhân dân phường Phương Đông căn cứ vào bản đồ địa chính và sổ mục kê đã được lập theo các quy định nêu trên để xác định diện tích đất thuộc thửa đất nằm trong hành lang an toàn giao thông của hộ ông Cương nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 2003; là đất trồng cây lâu năm, trên không có nhà ở nên chỉ được Ủy ban nhân dân thành phố U thu hồi bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm là đúng căn cứ pháp lý và thực tế sử dụng đất là đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi.

Đối với việc bồi thường giải phóng mặt bằng năm 1998 là căn cứ luật Đất đai năm năm 1993, năm 2003 và các văn bản hướng dẫn để bồi thường giải phóng mặt bằng tại thời điểm đó để bồi thường theo giá đất ở cho các hộ dân là phù hợp với quy định của Luật đất đai tại thời điểm đó và đã được thực hiện xong. Luật đất đai năm 2013 đã có hiệu lực pháp luật nên việc thu hồi đất tại các Quyết định số 5787/QĐ - UBND và Quyết định số 5788/QĐ - UBND ngày 31/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh phải căn cứ vào các quy định này khi thu hồi đất là đúng quy định.

Từ những phân tích trên thấy rằng nội dung các Quyết định số 6852/QĐ - UBND, Quyết định số 4798/QĐ - UBND, Quyết định số 4799/QĐ - UBND, Quyết định số 941/QĐ - UBND (Phần liên quan đến ông Cương), Quyết định số 2804/QĐ - UBND (Phần liên quan đến ông Cương), văn bản số 133/UBND và Quyết định số 302/QĐ - CT: Trên cơ sở xác định nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất như trên đã xác định được rõ diện tích đất thuộc diện thu hồi là 62,1m² nằm trong phạm vi hành lang giao thông, bản đồ mặt bằng tuyến và ranh giới giải phóng mặt bằng tỷ lệ 1/1.000 theo Quyết định 143/QĐ - UBND ngày 16/01/2015. UBND thành phố U đã ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường có nội dung thu hồi 62,1m² đất trồng cây lâu năm, bồi thường giá trị tài sản trên đất và giá trị đất theo giá đất trồng cây lâu năm là đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Ngoài ra, UBND thành phố U đã vận dụng Điều 25 Nghị định số 47/2014 để lập phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông Cương bằng 50% giá đất ở theo Quyết định số 4114/QĐ - UBND ngày 07/12/2016 và Quyết định số 500/QĐ - UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh là có lợi cho người có đất bị thu hồi. Do đó bản án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận khởi kiện của Ông Trần Mạnh C là đúng quy định của pháp luật.

Do kháng cáo không có tài liệu, chứng cứ gì mới và như đã nhận định nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo để sửa án sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của người khởi kiện là phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận lẽ ra ông Cương phải chịu án phí; nhưng Ông Trần Mạnh C là người cao tuổi được miễn án phí theo

quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Mạnh C, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm số 16/2019/HCST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Cụ thể:

Căn cứ vào quy định tại Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng Hành Chính; Căn cứ vào quy định tại Điều 11; Điều 204 Luật đất đai 2013; các Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Mạnh C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6852/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại đối với Ông Trần Mạnh C và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 86,2m², xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

2. Về án phí : Miễn án phí hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm cho Ông Trần Mạnh C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đông